TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30-6-2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH LONG AN

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Lê Trọng Hiếu

2. Trương Thành Phương

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bảo Ngọc – Thư ký Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 179/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025 về việc "*Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2025/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1983

Địa chỉ: ấp A xã L huyện C tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Quốc T, sinh năm: 1985

Địa chỉ: ấp A xã L huyện C tỉnh Long An.

(các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/3/2025, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Do quen biết nên bà và ông Huỳnh Quốc T đã xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2013, có tổ chức cưới hỏi, được gia đình hai bên đồng ý và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L vào ngày 26/02/2013.

Sau khi cưới đến nay bà và ông T sống tại nhà của ba mẹ ông T tại Ấp A, xã L, huyện C. Khoảng năm 2023 đến nay, thì ông T đi làm xa, thỉnh thoảng về thăm nhà. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc được mấy năm đầu trong hôn nhân. Đến năm 2016, thì ông T bỏ bê gia đình, không chăm sóc con cái, việc coi sóc gia đình và chăm sóc gia đình chồng ông T cũng phó thác cho bà. Về kinh tế thì ông T chỉ thỉnh thoảng đưa bà ít tiền để phụ lo gia đình, lo cho 02 con chung.

Từ năm 2023 đến nay bà và ông T có vài lần gặp nhau, ông T có nói sẽ thay đổi nhưng không thay đổi. Nhận thấy vợ chồng không còn tiếng nói chung, thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, tình cảm vợ chồng không còn, bà không còn yêu thương ông T nữa, cuộc sống chung không thể tiếp tục nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: bà và ông T có 02 con chung tên Huỳnh Quốc B, sinh ngày 05/10/2014 và Huỳnh Quốc Đ, sinh ngày 21/5/2016, hiện nay 02 con chung đang sống cùng với bà. Về con chung sau khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung Huỳnh Quốc B và Huỳnh Quốc Đ, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Huỳnh Quốc T vắng mặt, không có lời trình bày.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tiến hành hòa giải được vì ông Huỳnh Quốc T vắng mặt không có lý do nên Tòa án quyết định đưa ra vụ án xét xử.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn C – đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo pháp luật tố tụng và các đương sự trong vụ án đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Riêng bị đơn mặc dù đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị N là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử cho bà N được ly hôn với ông Huỳnh Quốc T. Về con chung: giao con chung Huỳnh Quốc B, sinh ngày 05/10/2014 và Huỳnh Quốc Đ, sinh ngày 21/5/2016 cho bà N được tiếp tục nuôi dưỡng. Bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Ông T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

Chứng cứ mà bà Nguyễn Thị N cung cấp trong vụ án là: Bản sao giấy chứng nhận kết hôn; Bản sao CCCD, bản sao giấy khai sinh con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Quốc T. Ông T cư trú tại xã L huyện C, tỉnh Long An. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị N vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại biên bản xác minh của Công an xã L xác nhận ông Huỳnh Quốc T có đăng ký thường trú tại xã L, huyện C hiện có mặt tại địa phương. Do đó Toà án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho ông T, ông T đã được thông báo về việc Tòa án thụ lý vụ án, về phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, về thời gian xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt, cũng không có lời trình bày hay ý kiến phản hồi gửi cho Tòa án. Căn cứ vào quy định tại các Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà N và ông T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 205, 207 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng không tiến hành hoà giải được do vắng mặt đương sự. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của bà N, thấy rằng: bà N và ông T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2013, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 26/02/2013 nên hôn nhân của bà N và ông T là hôn nhân hợp pháp. Theo bà N trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T bỏ bê gia đình, không chăm sóc con cái. Về kinh tế thì ông T chỉ thỉnh thoảng đưa bà ít tiền để phụ lo gia đình, lo cho 02 con chung. Hiện tại bà N và ông T không còn sống chung.

Về phía ông T, từ khi bà N nộp đơn khởi kiện đến nay mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, biết rõ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà N nhưng ông T cũng không có ý kiến gì, liên tiếp vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án cho thấy ông T không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng và gìn giữ cuộc hôn nhân này. Căn cứ vào nguyên nhân mâu thuẫn mà bà N đã trình bày chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N là phù hợp.

[3] Về con chung: bà N và ông T có 02 con chung Huỳnh Quốc B, sinh ngày 05/10/2014 và Huỳnh Quốc Đ, sinh ngày 21/5/2016. Về con chung sau khi ly hôn bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, 02 con chung đang sống chung với bà N, cuộc sống ổn định, phát triển bình thường. Ông T đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng thể hiện yêu cầu nuôi con của bà N nhưng không có ý kiến phản hồi gì mặc khác cháu B và cháu Đ thể hiện nguyện vọng khi cha mẹ ly hôn là được sống chung với mẹ. Do đó căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, giao cháu Huỳnh Quốc B và Huỳnh Quốc Đ cho bà N được tiếp tục nuôi dưỡng.

Về phần cấp dưỡng nuôi con: bà Nguyễn Thị N không yêu cầu ông Huỳnh Quốc T cấp dưỡng nuôi con do đó ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: bà Nguyễn Thị N trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc *"Ly hôn"* với ông Huỳnh Quốc T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Huỳnh Quốc T.

2. Về con chung: có 02 con chung tên Huỳnh Quốc B, sinh ngày 05/10/2014 và Huỳnh Quốc Đ, sinh ngày 21/5/2016. Giao con chung tên Huỳnh Quốc B và Huỳnh Quốc Đ cho bà Nguyễn Thị N tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: ông Huỳnh Quốc T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không nuôi con vẫn có quyền và nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản, vì lợi ích của con chung khi có yêu cầu một hoặc hai bên đương sự Toà án có thể quyết định thay đổi việc nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị N chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0018512 ngày 21/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Đước, tỉnh Long An. Bà Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, bà Nguyễn Thị N và ông Huỳnh Quốc T vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- THA huyện C;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu HS;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Ngô Thị Thùy Diễm